

TTH/14

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 534/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu quả thực thi Hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật (SPS) của Tổ chức Thương mại thế giới và cam kết SPS trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do”

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: 20/6/2024

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật của Tổ chức Thương mại thế giới (Hiệp định SPS của WTO), cam kết về SPS trong Chương SPS các Hiệp định thương mại tự do;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2779/TTr-BNN-CCPT ngày 16 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu quả thực thi Hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật (SPS) của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và cam kết SPS trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do” (Đề án kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

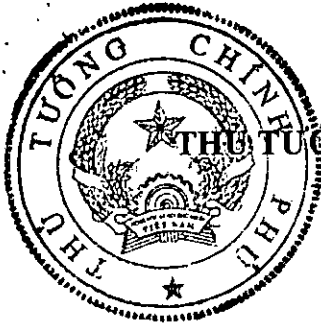
Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- VPCP: BTCN, PCN Đỗ Ngọc Huỳnh, Trợ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ: KTTH, KGVX, NN, PL, TH; Công báo;
- Lưu: VT, QHQT (2). **TH**

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Lưu Quang



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Nâng cao hiệu quả thực thi Hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật (SPS) của Tổ chức Thương mại thế giới và cam kết SPS trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do
(Kèm theo Quyết định số 534/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Thể chế hóa đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước về thực hiện các nghĩa vụ đối với Hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật (SPS) của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và các Hiệp định thương mại tự do trong thương mại quốc tế;

- Nâng cao năng lực của Việt Nam trong việc thực thi các nghĩa vụ đối với Hiệp định SPS của WTO và các Hiệp định thương mại tự do trong thương mại nông, lâm, thủy sản và thực phẩm đảm bảo hài hoà các quy định trong nước và quốc tế;

- Đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn bệnh dịch động, thực vật nông, lâm, thủy sản nhằm mục tiêu kép: bảo vệ sức khỏe con người và sức khỏe động, thực vật trên lãnh thổ Việt Nam, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và gia tăng giá trị, năng lực cạnh tranh trong khu vực và quốc tế.

2. Mục tiêu của Đề án

a) Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực của Việt Nam trong việc thực thi các nghĩa vụ đối với Hiệp định SPS của WTO và các Hiệp định thương mại tự do trong thương mại nông, lâm, thủy sản và thực phẩm quốc tế; nâng cao năng lực quản lý, đánh giá, thử nghiệm nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ các quy định SPS tại các thị trường xuất, nhập khẩu; tận dụng tối đa cơ hội đầu tư của thành viên WTO và mở rộng thị trường xuất khẩu cho nông, lâm, thủy sản và thực phẩm của Việt Nam.

b) Mục tiêu đến năm 2025

- Tỷ lệ quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản hài hoà tiêu chuẩn quốc tế đạt 70%;

- 100% cán bộ quản lý an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật các cấp được bồi dưỡng, cập nhật hàng năm về chuyên môn nghiệp vụ;
- 80% các mặt hàng và thị trường trọng điểm tương ứng được xây dựng cẩm nang hướng dẫn tuân thủ các biện pháp SPS;
- 100% các địa phương kiện toàn đầu mối hỏi đáp các quy định SPS của thị trường;
- Hoàn thành Công thông tin quốc gia về SPS, kết nối và chia sẻ thông tin về các biện pháp SPS của thị trường giữa hợp tác xã, doanh nghiệp, hội, hiệp hội, cơ quan quản lý ở địa phương và hệ thống SPS của Việt Nam;
- Xử lý kịp thời các quan ngại liên quan đến biện pháp SPS.

c) Định hướng đến năm 2030

- Tỷ lệ tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản tương đương quy chuẩn quốc tế đạt 100%;
- Đẩy mạnh cơ sở dữ liệu kết nối thông tin tương tác giữa hợp tác xã, doanh nghiệp, hội, hiệp hội, cơ quan quản lý ở địa phương và hệ thống SPS của Việt Nam;
- 100% cán bộ quản lý an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật các cấp được bồi dưỡng, cập nhật hàng năm về kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

a) Nâng cao nhận thức cho các đối tượng liên quan về SPS

- Nâng cao nhận thức về an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh động, thực vật cho các chủ thể tham gia chuỗi sản xuất, chế biến, kinh doanh, tiêu dùng sản phẩm (cán bộ quản lý, hợp tác xã, doanh nghiệp, hội, hiệp hội, cơ quan truyền thông, nông dân, nhà phân phối, người tiêu dùng);
- Biên soạn tài liệu chuyên môn hướng dẫn về đáp ứng các biện pháp SPS theo từng nhóm thị trường;
- Nâng cao kiến thức chuyên môn và năng lực thực thi SPS cho cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm nghiệm, kiểm dịch và các đối tượng liên quan;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu, khai thác và chia sẻ thông tin về các biện pháp SPS theo nhóm mặt hàng, theo từng thị trường.

b) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật trong nước,

xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) hài hòa với các tiêu chuẩn, khuyến nghị quốc tế (Ủy ban Tiêu chuẩn Thực phẩm Codex quốc tế (Codex), Tổ chức Thú y thế giới (WOAH), Công ước Bảo vệ thực vật quốc tế (IPPC)) để thực thi có hiệu quả cam kết quốc tế trong lĩnh vực SPS của WTO và các Hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương.

c) Tăng cường năng lực phân tích và đánh giá rủi ro đối với các mối nguy mất an toàn thực phẩm, sinh vật gây hại và dịch bệnh

- Đánh giá hiện trạng nguồn nhân lực, cán bộ quản lý, kỹ thuật, thanh kiểm tra về an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh động, thực vật và hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hệ thống phòng thí nghiệm, các tổ chức đánh giá sự phù hợp của các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Công Thương và các phòng được chỉ định; đánh giá mức độ chuẩn hóa của hệ thống quy định của Việt Nam theo tiêu chuẩn, khuyến nghị quốc tế Codex, WOAH, IPPC và mức độ các kiểm định tương đương của Việt Nam đáp ứng quy định SPS của các thị trường trọng điểm;

- Xây dựng các biện pháp SPS phù hợp với cam kết để bảo vệ sức khỏe con người và sức khỏe động, thực vật trên lãnh thổ Việt Nam; góp phần quản lý hiệu quả, an toàn các nguồn thực phẩm, sản phẩm nông, lâm, thủy sản... nhập khẩu;

- Rà soát, bổ sung các hoạt động nhận diện, cảnh báo, phòng ngừa và kiểm soát các chất ô nhiễm, các tác nhân gây ô nhiễm tác động đến sức khỏe con người và sức khỏe động, thực vật;

- Quản lý và kiểm soát các nguồn phát sinh chất ô nhiễm khó phân hủy và các chất độc hại (bao gồm cả các yếu tố vật lý như nhiệt độ, phóng xạ) theo vòng đời nhằm đảm bảo giảm thiểu khả năng chất ô nhiễm khó phân hủy đi vào chuỗi thực phẩm;

- Phân tích nguy cơ dịch hại/dịch bệnh để có biện pháp xử lý và giảm thiểu tác động của việc xâm nhiễm và bùng phát dịch bệnh qua việc nhập khẩu giống cây trồng, cây công nghiệp, vật nuôi, vi sinh vật và sản phẩm sinh học sử dụng trong trồng trọt và chăn nuôi.

d) Hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế về SPS

- Rà soát, sửa đổi bổ sung, công bố và phổ biến các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thực phẩm theo tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế (Ủy ban Tiêu chuẩn Thực phẩm Codex quốc tế). Xác định các nguồn lực chủ động tham gia các quy chuẩn kỹ thuật của Ủy ban Tiêu chuẩn Thực phẩm Codex quốc tế; xây dựng và công bố các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thực phẩm của Việt Nam mà Ủy ban Tiêu chuẩn

Thực phẩm Codex quốc tế chưa có hoặc không đáp ứng được yêu cầu thực tế của thị trường;

- Rà soát, sửa đổi bổ sung, công bố và phổ biến các quy định về kiểm dịch động vật (trên cạn và dưới nước) phù hợp với quy chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị của Tổ chức Thú y thế giới;

- Rà soát, sửa đổi bổ sung, công bố và phổ biến các quy định về kiểm dịch thực vật phù hợp với quy chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị của Công ước Bảo vệ thực vật quốc tế.

đ) Thanh tra, kiểm nghiệm, xét nghiệm và chứng nhận

- Áp dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong khai báo hồ sơ và cấp chứng thư điện tử;

- Tăng cường phối hợp, liên kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước để thực thi đầy đủ các nghĩa vụ minh bạch hóa về các biện pháp SPS. Tăng cường các cơ chế giám sát trong quá trình thực hiện, áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh động, thực vật;

- Đẩy mạnh việc thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với nông sản và thực phẩm xuất khẩu, áp dụng hệ thống mã số, mã vạch nhằm hỗ trợ cho việc truy xuất nguồn gốc và thu hồi sản phẩm khi có vấn đề mất an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh động, thực vật.

e) Công nhận lẫn nhau về SPS

- Xây dựng và ban hành quy trình và thủ tục đánh giá và công nhận lẫn nhau về SPS theo các quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, khuyến nghị quốc tế và Ủy ban SPS của WTO;

- Đàm phán, xây dựng các thỏa thuận công nhận lẫn nhau trong lĩnh vực SPS, công nhận lẫn nhau về hệ thống quản lý và giám sát, công nhận lẫn nhau đối với một biện pháp SPS hay nhiều biện pháp SPS qua đó thúc đẩy thương mại nông sản thực phẩm giữa Việt Nam với các nước;

- Đàm phán và ký kết các thỏa thuận hợp tác song phương công nhận lẫn nhau về quản lý, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh động, thực vật và chứng nhận cho các mặt hàng nông sản và thực phẩm xuất khẩu;

- Kiểm tra giám sát các đơn vị, cá nhân sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông, lâm, thủy sản và thực phẩm trong nước và nhập khẩu vào Việt Nam để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu và quy định của nước nhập khẩu như các thỏa thuận đã ký kết.

g) Kiện toàn hệ thống SPS của Việt Nam

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Văn phòng SPS Việt Nam;

- Nâng cao năng lực cho các điểm hỗ trợ kỹ thuật của Văn phòng SPS Việt Nam tại các bộ, ngành;

- Phát triển các điểm hỏi đáp SPS và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hội, hiệp hội tại địa phương.

h) Khoa học và công nghệ

- Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về cơ sở khoa học để xây dựng các mức dư lượng tối đa cho phép (MRL);

- Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về phân tích rủi ro, đánh giá hiện trạng và biện pháp kiểm soát các đối tượng kiểm dịch;

- Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về kiểm soát sinh vật gây hại;

- Thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ để đánh giá tác động đối với một số biện pháp mới của thành viên WTO nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua rào cản và có cơ sở khoa học trong trường hợp xảy ra tranh chấp thương mại;

- Nghiên cứu, đánh giá tác động của các chất ô nhiễm đối với sức khỏe con người; đánh giá và giảm thiểu rủi ro về sức khỏe con người do phơi nhiễm hóa chất độc hại thông qua thực phẩm;

Kế hoạch tổng thể thực hiện Đề án, chi tiết cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, dự kiến thời gian thực hiện (Phụ lục).

2. Giải pháp thực hiện

a) Giải pháp về nâng cao nhận thức

- Tăng cường năng lực và nhận thức của cán bộ quản lý và các cơ quan quản lý về các vấn đề SPS qua việc đảm bảo an toàn thực phẩm, kiểm soát sâu hại và dịch bệnh trong quan hệ thương mại tới việc phát triển kinh tế xã hội;

- Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn cho các cơ quan tổ chức, hội, hiệp hội ngành hàng về các quy định của thị trường nhập khẩu, tầm quan trọng của việc tuân thủ các quy định về SPS trong việc mở cửa thị trường;

- Nâng cao hiệu quả hoạt động Bản tin SPS Việt Nam theo hướng cung cấp kịp thời các thông tin SPS đến các đối tượng có liên quan và các giải pháp thích ứng;

- Phối hợp với các hội, hiệp hội ngành hàng trong việc phổ biến thông tin SPS của thị trường và tổ chức hướng dẫn cho các thành viên hội, hiệp hội, tổ chức và cá nhân có quan tâm trong việc đáp ứng các quy định về SPS của thị trường;

- Xây dựng kế hoạch phổ biến thông tin về SPS lồng ghép với các chương trình khuyến nông, khuyến lâm và khuyến ngư, nâng cao nhận thức của người dân trong việc đảm bảo an toàn thực phẩm phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu;

- Nghiên cứu xây dựng giáo trình và đưa nội dung đào tạo về SPS trong thương mại và các nội dung kỹ thuật về SPS vào chương trình giảng dạy chuyên ngành;

- Tổ chức được ít nhất 200 khoá tập huấn đến năm 2030 (tương đương khoảng 20.000 lượt người) nhằm: đào tạo, phổ biến, cập nhật thường xuyên các quy định SPS của thị trường cho các đối tượng liên quan: cơ quan quản lý, hợp tác xã, doanh nghiệp, hội, hiệp hội...

b) Giải pháp về tổ chức hệ thống SPS của Việt Nam

- Xây dựng đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Văn phòng SPS Việt Nam trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Nâng cao năng lực cho các điểm hỗ trợ kỹ thuật của Văn phòng SPS Việt Nam tại các bộ, ngành;

- Phát triển các điểm hỏi đáp SPS và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hội, hiệp hội tại địa phương;

- Xây dựng Cổng thông tin điện tử quốc gia về SPS, cập nhật cơ sở dữ liệu về các dự thảo thông báo, cảnh báo và cập nhật các biện pháp SPS theo từng ngành hàng và theo từng thị trường.

c) Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm, thú y, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các văn bản liên quan, đảm bảo hài hòa với các yêu cầu quốc tế trong lĩnh vực SPS;

- Rà soát, sửa đổi bổ sung và xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến quản lý an toàn thực phẩm và các quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực thú y và bảo vệ thực vật cho phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực, có biện pháp SPS phù hợp bảo vệ sức khỏe người dân, sản xuất nông nghiệp trong nước và hệ động, thực vật khỏi các mối nguy từ thực phẩm mất an toàn, sự xâm nhiễm của sâu hại và dịch bệnh từ những sản phẩm nông sản và thực phẩm nhập khẩu;

- Xây dựng các chủ trương, cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch dài hạn để khuyến khích việc sử dụng sản phẩm hữu cơ, sạch, an toàn; việc trồng, sử dụng và bảo tồn các nòi, giống thuần chủng, bản địa và phương pháp nuôi trồng hữu cơ nhằm bảo vệ sự cân bằng, an toàn sinh thái và phát triển bền vững; huy động sự tham gia của các bên liên quan; kiểm soát việc sử dụng các nguồn giống, sản phẩm biến đổi gen, các chất có hại cho sức khỏe con người, sức khỏe động, thực vật, hệ sinh thái và môi trường;

- Xây dựng Quy chế phối hợp giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Ngoại giao về lĩnh vực SPS;

- rà soát và sửa đổi Quy chế tổ chức và phối hợp hoạt động giữa Văn phòng SPS Việt Nam với các điểm hỗ trợ kỹ thuật tại các bộ, ngành cho phù hợp với yêu cầu của Hiệp định SPS của WTO và các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết;

- Xây dựng, ban hành cơ chế điều phối giữa các cơ quan quản lý với các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan trong mở cửa thị trường nông, lâm, thủy sản, thực phẩm.

d) Giải pháp về nguồn lực

- Huy động nguồn lực từ các tổ chức quốc tế, nguồn lực xã hội hoá từ các doanh nghiệp cho hoạt động đào tạo, kiểm nghiệm, xét nghiệm và các hoạt động khác liên quan tới tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động SPS;

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị và đào tạo nâng cao năng lực cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm nghiệm an toàn thực phẩm, trong phân tích và chẩn đoán dịch hại trên động thực vật, cán bộ kỹ thuật tại các phòng thí nghiệm trung tâm và các cán bộ làm công tác kiểm dịch động, thực vật tại các cơ quan vùng;

- Tăng cường năng lực cán bộ, đầu tư về trang thiết bị phục vụ công tác thông báo và hỏi đáp cho Văn phòng SPS Việt Nam và các điểm hỗ trợ kỹ thuật tại các bộ, ngành.

đ) Giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hội, hiệp hội

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số kết nối hệ thống thông tin SPS đến các cơ quan quản lý, doanh nghiệp, hợp tác xã, hội, hiệp hội và các đối tượng có liên quan;

- Đào tạo, tập huấn tăng cường năng lực cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hội, hiệp hội về quản lý và giám sát trong các khâu của sản xuất, thu hoạch, chế biến nông sản thực phẩm, bao gói và ghi nhãn mác đảm bảo an toàn thực phẩm đáp ứng quy định của thị trường.

e) Giải pháp về các biện pháp khẩn cấp

- Xây dựng cơ chế công bố phân vùng địa lý khi xác định nguy cơ mất an toàn thực phẩm, dịch bệnh và đưa ra biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tình huống mất an toàn thực phẩm, sự bùng phát của sâu hại và dịch bệnh trên động vật và thực vật đối với nông sản thực phẩm nhập khẩu và xuất khẩu;

- Xây dựng cơ chế công bố phân vùng địa lý khi xác định nguy cơ dịch bệnh và đưa ra biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tình huống dịch bệnh trên người, dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người.

g) Giải pháp về hợp tác quốc tế

- Xây dựng các giải pháp hợp tác quốc tế trong việc xây dựng cơ chế công nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp liên quan đến SPS;

- Đẩy mạnh việc phối hợp, liên kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước về SPS của Việt Nam với các cơ quan hữu quan của các nước khác nhằm tăng cường hợp tác trong lĩnh vực SPS.

h) Giải pháp về công tác dự báo, kiểm tra, giám sát

- Tăng cường công tác theo dõi, dự báo và thông báo sớm khả năng các đối tác thương mại đưa ra các quy định mới về SPS;

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc nhập khẩu, phân phối, hạn chế và cấm sử dụng các chất có hại cho sức khỏe con người, động thực vật, hệ sinh thái và môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm;

- Xây dựng các mô hình khoa học ứng dụng công nghệ để kiểm soát sinh vật gây hại;

- Ứng dụng khoa học và công nghệ trong nghiên cứu làm chủ các công nghệ giám sát, phát hiện, kiểm soát phòng, chống, khắc phục hậu quả dịch bệnh trong nhập khẩu, đặc biệt là những bệnh nguy cơ truyền từ động vật sang người.

i) Giải pháp về hệ thống công nghệ thông tin

Nâng cấp Cổng thông tin một cửa quốc gia, một cửa Asean để đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu điện tử liên quan đến SPS (như e-phyto....) với các nước trong khu vực và các đối tác thương mại khác trên thế giới.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì thực hiện Đề án, bao gồm nội dung sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đảm bảo hiệu quả, kịp thời.

b) Chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với các chương trình, đề án khác liên quan (Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, Chương trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, ...).

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành liên quan rà soát các quy định về quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ các loài sinh vật quý hiếm; đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững đối với sản phẩm nông nghiệp; tham gia đánh giá rủi ro các đối tượng sinh vật thuộc phạm vi phụ trách.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; quản lý việc tổ chức, triển khai thực hiện truy xuất nguồn gốc; rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh động, thực vật theo lĩnh vực quản lý.

đ) Tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức cho các đối tượng liên quan, ... tuyên truyền, phổ biến, tập huấn và hướng dẫn các nội dung liên quan đến Đề án. Xây dựng cơ sở dữ liệu, kết nối thông tin liên quan đến an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh động, thực vật giữa các bộ, ngành với địa phương và các đối tượng có liên quan.

e) Chủ trì xây dựng các mô hình khoa học ứng dụng công nghệ để kiểm soát sinh vật gây hại; xây dựng các mô hình nông nghiệp an toàn, nông nghiệp xanh, canh tác giảm thiểu phát thải khí nhà kính, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp bền vững; xây dựng các mô hình liên kết các chuỗi giá trị; xây dựng các mô hình về cộng đồng tham gia sản xuất an toàn.

g) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc triển khai thực hiện Đề án; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung Đề án nếu cần thiết; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án.

2. Bộ Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan tham gia đánh giá rủi ro các sản phẩm thuộc phạm vi phụ trách.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; quản lý việc tổ chức, triển khai thực hiện truy xuất nguồn gốc trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Chỉ đạo Thương vụ, Chi nhánh Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài chủ động tìm hiểu thông tin về thị trường và quy định liên quan đến nhập khẩu các mặt hàng nông sản của nước sở tại, định kỳ báo cáo, cập nhật thông tin, cảnh báo nhanh; các thay đổi, điều chỉnh các quy định liên quan đến SPS có ảnh hưởng tới hoạt động xuất, nhập khẩu các mặt hàng nông, thủy sản, thực phẩm về Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất nông nghiệp gắn với thị trường.

d) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc tuyên truyền, phổ biến các nội dung có liên quan của Đề án.

3. Bộ Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát, xây dựng, sửa đổi bổ sung các quy định liên quan đến an toàn thực phẩm. Rà soát, sửa đổi và công bố các tiêu chuẩn thực phẩm theo tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc

tế (Ủy ban Tiêu chuẩn Thực phẩm Codex quốc tế) thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; quản lý việc tổ chức, triển khai thực hiện truy xuất nguồn gốc thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Đánh giá hiện trạng nguồn nhân lực, cán bộ quản lý, kỹ thuật, thanh kiểm tra và hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hệ thống phòng thí nghiệm của các đơn vị thuộc khối cơ quan quản lý nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

d) Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm nghiệm an toàn thực phẩm.

đ) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc tuyên truyền, phổ biến các nội dung có liên quan của Đề án thuộc phạm vi phụ trách.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Hoàn thiện hệ thống văn bản về bảo vệ môi trường gắn với an toàn thực phẩm và tổ chức thực hiện đối với nội dung được quy định tại Điều 61 Luật Bảo vệ môi trường.

b) Tăng cường quản lý và kiểm soát chất lượng môi trường (nước, đất,...) và các nguồn phát sinh ô nhiễm có tác động, ảnh hưởng đến sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ thực phẩm, đặc biệt chú trọng các nguồn phát sinh các chất ô nhiễm khó phân hủy, đặc biệt là các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) lên con người và môi trường.

c) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc tuyên truyền, phổ biến các nội dung có liên quan của Đề án thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia về cơ sở khoa học để xây dựng các mức dư lượng tối đa cho phép; phân tích nguy cơ, xây dựng hệ thống giải pháp khoa học công nghệ để kiểm soát đối tượng kiểm dịch; nghiên cứu, đánh giá tác động của các chất ô nhiễm đối với sức khỏe con người; đánh giá và giảm thiểu rủi ro về sức khỏe con người do phơi nhiễm hóa chất độc hại thông qua thực phẩm; đánh giá tác động đối với một số biện pháp mới của thành viên WTO nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua rào cản và có cơ sở khoa học trong trường hợp xảy ra tranh chấp thương mại.

b) Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn quốc

gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, nhãn sản phẩm, mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc; hướng dẫn, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trong công tác xây dựng, công bố, ban hành tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quản lý chất lượng, hoạt động đánh giá sự phù hợp, hoạt động mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc.

c) Phối hợp xây dựng các mô hình khoa học ứng dụng công nghệ để kiểm soát sinh vật gây hại; xây dựng các mô hình nông nghiệp an toàn, nông nghiệp xanh, canh tác giảm thiểu phát thải khí nhà kính, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp bền vững; xây dựng các mô hình liên kết các chuỗi giá trị; xây dựng các mô hình về cộng đồng tham gia sản xuất an toàn.

6. Bộ Tài chính

a) Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách trung ương, trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành liên quan, tổng hợp bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của ngân sách trung ương, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định cân đối, bố trí kinh phí theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn để thực hiện Đề án.

b) Kiểm tra việc tuân thủ các quy định và cam kết SPS khi hàng hóa được nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định; ghi nhận, giải quyết vướng mắc các doanh nghiệp gặp phải khi tuân thủ và đáp ứng các quy định quản lý về SPS.

7. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc tuyên truyền, phổ biến các nội dung có liên quan của Đề án.

b) Hướng dẫn Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng các quy chuẩn kết nối dữ liệu, thông tin liên quan đến an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh động, thực vật giữa các bộ, ngành với địa phương và các đối tượng có liên quan.

8. Bộ Ngoại giao

a) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các nhiệm vụ có liên quan thuộc Đề án.

b) Tham gia thúc đẩy hợp tác với các đối tác trong lĩnh vực SPS, xây dựng quy chế phối hợp và chỉ đạo các Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp trong nước tìm hiểu thông tin về thị trường và các quy định liên quan đến SPS.

9. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các nhiệm vụ có liên quan thuộc Đề án.

b) Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các đơn vị liên quan tham mưu xây dựng Kế hoạch thực hiện triển khai Đề án về quản lý an toàn thực phẩm, giám sát dịch bệnh trong trồng trọt và chăn nuôi phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

c) Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đề án do địa phương chủ trì theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

d) Chỉ đạo các sở, ban ngành và các đơn vị liên quan trên địa bàn triển khai thực hiện các nội dung có liên quan của Đề án và tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, tập huấn và hướng dẫn các nội dung liên quan của Đề án đến hợp tác xã, doanh nghiệp, hội, hiệp hội và các đối tượng liên quan.

10. Các tổ chức chính trị, xã hội

a) Chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tuyên truyền tới các đối tượng liên quan về các nội dung của Đề án.

b) Tham gia xây dựng các mô hình nâng cao nhận thức cộng đồng về an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh động, thực vật trong sản xuất, kinh doanh nông sản.

11. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hội, hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, xuất nhập khẩu nông, lâm, thủy sản

a) Chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tuyên truyền tới các thành viên hội, hiệp hội, doanh nghiệp về các nội dung của Đề án.

b) Xây dựng cơ chế chia sẻ thông tin của thành viên hội, hiệp hội, doanh nghiệp về các nội dung liên quan đến an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh động, thực vật.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước: Bao gồm chi thường xuyên; nguồn chi đầu tư phát triển hàng năm của các bộ, ngành, địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; được quản lý và thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công và pháp luật liên quan.

2. Nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác: Nguồn kinh phí từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác: được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng nguồn vốn.



Phụ lục

KẾ HOẠCH TỔNG THỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI HIỆP ĐỊNH VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP VỀ SINH DỊCH TỄ VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT (SPS) CỦA TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI VÀ CAM KẾT SPS TRONG KHUÔN KHỔ CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO”

(Kèm theo Quyết định số 554/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nội dung chương trình/ dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, đánh giá sự phù hợp liên quan đến quản lý an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh động, thực vật phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế về SPS	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế (theo lĩnh vực quản lý)	Các bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Hàng năm
2	Truyền thông, nâng cao nhận thức về lĩnh vực SPS cho các chủ thể tham gia chuỗi quản lý, sản xuất, chế biến, thương mại và tiêu dùng thực phẩm	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế (theo lĩnh vực quản lý)	Các bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Hàng năm
3	Xây dựng Cổng thông tin quốc gia về các biện pháp SPS	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao	2024 - 2025
4	Chương trình giám sát, đánh giá, cảnh báo nguy cơ an toàn thực phẩm trong nông sản thực phẩm	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Y tế, Bộ Công Thương	Hàng năm
5	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật và nguồn lực cho các điểm hỗ trợ kỹ thuật của Văn phòng SPS Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao	2024 - 2026
6	Đào tạo nhân lực về: - Kiểm nghiệm, kiểm chứng an toàn thực phẩm - Đánh giá nguy cơ và quản lý dựa trên nguy cơ - Giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm an toàn thực phẩm	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các đơn vị có liên quan	2024 - 2026

	- Điều tra, truy xuất, xử lý sự cố an toàn thực phẩm			
7	Rà soát, bổ sung các hoạt động nhận diện, cảnh báo, phòng ngừa và kiểm soát các chất ô nhiễm, các tác nhân gây ô nhiễm tác động đến sức khỏe động, thực vật và sức khỏe con người	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan	Hàng năm
8	Quản lý và kiểm soát các nguồn phát sinh chất ô nhiễm khó phân hủy và các chất độc hại (bao gồm cả các yếu tố vật lý như nhiệt độ, phóng xạ) theo vòng đời nhằm đảm bảo giảm thiểu khả năng chất ô nhiễm khó phân hủy đi vào chuỗi thực phẩm	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan	Hàng năm
9	Kiến toàn hệ thống SPS của Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Các bộ/ngành liên quan - Ủy ban nhân dân các tỉnh/ thành phố	2024-2025
10	Triển khai các nhiệm vụ khoa học có liên quan	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các trường đại học, Viện nghiên cứu	2024 - 2030